TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 512/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 30 – 10 – 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ;
2. Ông Diệp H Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 542/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, Thông báo về thời gian tiếp tục mở phiên tòa số: 43/TB-TA ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu X, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp B, xã M, huyện K, tỉnh An Giang (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh H, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã V, huyện K, tỉnh An Giang; chổ ở hiện nay: Tổ 30, ấp BH, xã L, huyện K, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 11 năm 2017, nguyên đơn bà X trình bày như sau: Bà X và ông H chung sống năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông H ăn chơi, hút chích, uống rượu, không chăm lo cho gia đình. Đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng thêm trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2017. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Võ TT, sinh ngày 09/6/2005, khi ly hôn bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, ông H có văn bản trình bày ý kiến như sau: Thống nhất thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, vợ chồng cũng có cãi

nhau, ông H nghi ngờ bà X có người đàn ông khác và không đồng ý ly hôn; về con chung thống nhất có 01 con chung tên Võ TT, sinh ngày 09/6/2005, nếu ly hôn thì con muốn sống với cha hay mẹ là tùy con.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà X và ông H chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà X trình bày có mâu thuẫn, ông H không đồng ý ly hôn, thừa nhận vợ chồng có cãi nhau do ông H uống rượu, nghiện ma túy, vợ chồng ly thân đã lâu nên tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X. Về quan hệ con chung tên Võ TT, sinh ngày 09/6/2005, nguyện vọng của con được sống với bà X, anh H có ý kiến con muốn sống với ai là tùy theo nguyện vọng của con. Đề nghị Hội đồng xét xử đồng ý giao con cho bà X tiếp tục nuôi, bà X không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con nên đề nghị không xem xét; về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông H; yêu cầu tiếp tục con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông H: Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ biên bản xác minh ngày 11 tháng 6 năm 2017, ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp BH, xã L, huyện K, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà X, vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, trong thời hạn chuẩn bị xét xử ông H thừa nhận vợ chồng có cự cãi nhưng không muốn ly hôn và tại phiên tòa ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không chủ động trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, thực tế giữa bà X và ông H ly thân thời gian đã lâu. Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng ông H không thường xuyên sinh sống tại địa phương nên không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và được biết ông H có đi cai nghiện ma túy nhiều lần, thừa nhận vợ chồng có gây cãi. Tại biên bản hòa giải ông H thừa nhận là có nghiện ma túy nhưng đã cai nghiện lo làm ăn nhưng bà X trình bày ông H hiện vẫn còn nghiện và không thể tiếp tục chung sống với ông H, vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm với ông H, xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau, không tạo điều kiện đề vợ chồng đoàn tụ. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông H thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ TT, sinh ngày 09/6/2005, con đang được ông H trực tiếp nuôi, bà X yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của cháu Võ Trường được sống với bà X, ông H cũng có ý kiến con muốn sống với cha hay mẹ là tùy vào nguyện vọng của con. Xét về điều kiện nuôi con, bà X có thu nhập đảm bảo nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Võ TT cho bà X trực tiếp nuôi. Bà X không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017570 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thu X được ly hôn với ông Võ Thanh H.

- Về quan hệ con chung: Bà Huỳnh Thị Thu X được trực tiếp nuôi con chung tên Võ TT, sinh ngày 09/6/2005. Bà X không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà X cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017570 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến Anh